|  |  |
| --- | --- |
| **BỘ KHOA HỌC VÀ CÔNG NGHỆ** | **CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**  **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc** |
| Số: /TTr-BKHCN | *Hà Nội, ngày tháng năm 2019* |

**DỰ THẢO**

**TỜ TRÌNH**

**Đề nghị xây dựng Nghị định quy định về khu công nghệ cao**

Kính gửi: Chính phủ

Thực hiện quy định của Luật ban hành văn bản quy phạm pháp luật năm 2015, Bộ Khoa học và Công nghệ kính trình Chính phủ đề nghị xây dựng Nghị định quy định về khu công nghệ cao như sau:

## **I. SỰ CẦN THIẾT BAN HÀNH VĂN BẢN**

Sự ra đời của các khu công nghệ cao trong cả nước đã cụ thể hóa chủ trương của Đảng về xây dựng một số khu công nghệ cao nhằm tạo môi trường thuận lợi để tập trung thu hút đầu tư công nghệ cao từ nước ngoài, đặc biệt từ các tập đoàn đa quốc gia; huy động các nguồn lực về khoa học và công nghệ trên cơ sở thu hút, tập hợp lực lượng trí thức khoa học và công nghệ trong cả nước, trí thức Việt kiều và các nhà khoa học nước ngoài trong nghiên cứu, sáng tạo và chuyển giao công nghệ vào sản xuất; kết hợp có hiệu quả giữa sản xuất với nghiên cứu, chuyển giao, phát triển công nghệ cao và thu hút đào tạo nguồn nhân lực công nghệ cao.

Đến nay, theomô hình khu công nghệ cao xác định tại Điều 31 Luật Công nghệ cao, cả nước có 04 khu công nghệ cao, bao gồm: Khu Công nghệ cao Hòa Lạc (thành lập năm 1998), Khu Công nghệ cao thành phố Hồ Chí Minh (thành lập năm 2002), Khu Công nghệ cao Đà Nẵng (thành lập năm 2002) và Khu Công nghệ cao công nghệ sinh học Đồng Nai (thành lập năm 2016). Các khu công nghệ cao này đều do Thủ tướng Chính phủ quyết định thành lập, trong đó 03 Khu Công nghệ cao gồm: Hòa Lạc, thành phố Hồ Chí Minh và Đà Nẵng là các khu công nghệ cao đa ngành với định hướng phát triển công nghệ cao theo đầy đủ các lĩnh vực công nghệ ưu tiên theo quy định tại Luật Công nghệ cao, quy mô diện tích và đầu tư lớn, có sử dụng một tỷ lệ vốn ngân sách Trung ương nhất định trong đầu tư xây dựng. Riêng Khu Công nghệ cao công nghệ sinh học Đồng Nai là khu công nghệ cao chuyên ngành tập trung phát triển công nghệ cao theo 01 lĩnh vực ưu tiên,được đầu tư xây dựng bằng nguồn vốn ngân sách địa phương và các nguồn vốn huy động hợp pháp khác.

Bên cạnh mô hình khu công nghệ cao nêu trên, Việt Nam cũng đã và đang phát triển mô hình khu Khu nông nghiệp ứng dụng công nghệ cao (với 03 Khu nông nghiệp ứng dụng công nghệ cao đã được Thủ tướng Chính phủ quyết định thành lập gồm: Hậu Giang, Phú Yên, phát triển tôm Bạc Liêu), mô hình khu công nghệ thông tin tập trung (với 03 khu công nghệ thông tin tập trung được Thủ tướng Chính phủ quyết định thành lập gồm: Chuỗi Công viên phần mềm Quang Trung, Công viên công nghệ phần mềm Hà Nội, Công viên phần mềm Đà Nẵng). Ngoài ra nhiều địa phương trong cả nước cũng đã tự xây dựng các Khu nông nghiệp ứng dụng công nghệ cao, thành lập vùng nông nghiệp ứng dụng công nghệ cao; cả nước cũng có một số khu công nghệ thông tin tập trung ở các thành phố lớn đã được Bộ Thông tin và Truyền thông công nhận theo Nghị định 154/2013/NĐ-CP. Các khu nông nghiệp ứng dụng công nghệ cao đang ở giai đoạn đầu của quá trình xây dựng hạ tầng kỹ thuật và thu hút đầu tư.

Ở thời điểm mới thành lập, hoạt động của Khu Công nghệ cao Hòa Lạc và Khu Công nghệ cao thành phố Hồ Chí Minh được điều chỉnh theo Quy chế Khu công nghệ cao tại Nghị định số 36/CP ngày 24/4/1997 của Chính phủ về ban hành Quy chế Khu công nghiệp, Khu chế xuất, Khu công nghệ cao. Quy chế này sau đó được thay bằng Quy chế khu công nghệ cao ban hànhtheo Nghị định số 99/2003/NĐ-CP ngày 28/8/2003 của Chính phủ.Nghị định số 99/2003/NĐ-CP ra đời làm cơ sở để Bộ Khoa học và Công nghệ xây dựng, trình Thủ tướng Chính phủ ban hành Quyết định số 53/2004/QĐ-TTg ngày 05/4/2004 về một số chính sách khuyến khích đãi đầu tư tại Khu công nghệ cao; xây dựng và ban hành Quyết định số 27/2006/QĐ-BKHCN ngày 18/12/2006 về việc ban hành “Quy định về tiêu chuẩn xác định dự án sản xuất sản phẩm công nghệ cao”.

Sau khi Luật Công nghệ cao ra đời (năm 2008) và có hiệu lực, nhiều khái niệm, quy định liên quan đến công nghệ cao, khu công nghệ cao đã được luật hóa. Tuy nhiên, vì nhiều lý do khách quan, quy chế khu công nghệ cao chưa được xây dựng mới và ban hành để thay thế quy chế theo Nghị định số 99/2003/NĐ-CP. Theo đó, đến thời điểm hiện tại, Nghị định số 99/2003/NĐ-CP ngày 28/8/2003 của Chính phủ vẫn là văn bản trực tiếp quy định về quy chế khu công nghệ cao.

Sự ra đời của Luật Công nghệ cao cũng như các luật chuyên ngành có liên quan sau này, đặc biệt là các luật về đầu tư, xây dựng, đất đai, thuế,… Quy chế khu công nghệ cao theo Nghị định số 99/2003/NĐ-CP cũng như các văn bản được xây dựng, ban hành để hướng dẫn nghị định đã dần trở nên lỗi thời, có nhiều điểm không còn phù hợp và không theo kịp với thực tiễn phát triển của các khu công nghệ cao trong cả nước nói riêng và các công nghệ cao trong các lĩnh vực công nghệ được ưu tiên nói chung.

Đến thời điểm hiện tại, một số bất cập chính trong công tác xây dựng, phát triển, quản lý và vận hành các khu công nghệ cao trong cả nước được xác định tổng hợp như sau:

- Về cơ bản, rất nhiều quy định tại Nghị định số 99/2003/NĐ-CP (văn bản trực tiếp quy định về quy chế khu công nghệ cao) bị phủ hoặc bị hết hiệu lực do các quy định mới của pháp luật chuyên ngành như: đầu tư, đất đai, thuế…

- Về mô hình tổ chức và hoạt động, có sự bất cân xứng về vị trí pháp lý và quy chế hoạt động giữa các khu công nghệ cao nảy sinh từ thực tiễn thành lập (ở các thời điểm khác nhau), xây dựng và quản lý vận hành khu công nghệ cao với các mô hình không có sự thống nhất chung.

- Về thẩm quyền Ban Quản lý, hiện nay, Ban Quản lý khu công nghệ cao chưa có đầy đủ thẩm quyền để đáp ứng yêu cầu, nhiệm vụ quản lý nhằm đẩy nhanh sự phát triển khu công nghệ cao, đặc biệt khi phải chịu trách nhiệm thực hiện chức năng quản lý nhà nước trên địa bàn khu công nghệ cao, bao gồm: quy hoạch, xây dựng, môi trường, đầu tư, lao động, an ninh trật tự … Các Bộ, cơ quan khác có liên quan thực hiện việc quản lý nhà nước đối với khu công nghệ cao có thể ủy quyền cho Ban Quản lý khu công nghệ cao thực hiện một số nhiệm vụ quản lý nhà nước theo chức năng, nhiệm vụ của mình. Tuy nhiên, Ban Quản lý mới được một số Bộ, ngành, địa phương ủy quyền trên một số mặt nên công tác quản lý chưa toàn diện, chưa thực hiện được cơ chế một cửa trong việc giải quyết các thủ tục hành chính.

- Về thu hút đầu tư vào khu công nghệ cao: Hoạt động thu hút đầu tư gặp những hạn chế nhất định do thiếu tiêu chí thu hút đầy đủ đối với từng loại hình dự án được phép đầu tư vào khu công nghệ cao.

Sau khi Luật Công nghệ cao ra đời, một số văn bản hướng dẫn Luật đã xác định nhiều loại hình dự án/doanh nghiệp khác nhau liên quan đến các công nghệ cao thuộc các lĩnh vực công nghệ được ưu tiên, do đó, để thu hút đầu tư phù hợp với các quy định pháp luật mới, các khu công nghệ cao đã nghiên cứu, vận dụng thêm các quy định này khi xem xét các dự án cụ thể đề xuất đầu tư vào khu công nghệ cao. Đây có thể xem là một giải pháp tình thế khi các văn bản quy định tiêu chí thu hút đầu tư vào khu công nghệ cao chưa được điều chỉnh kịp thời.

- Các quy định về cơ chế, chính sách ưu đãi đối với khu công nghệ cao từ trước đây không còn phù hợp đặc biệt sau khi một số Luật chuyên ngành ra đời và/hoặc được sửa đổi, bổ sung, cập nhật thì các ưu đãi được thực hiện theo quy định của pháp luật chuyên ngành. Đồng thời, các chính sách ưu đãi liên quan đến lĩnh vực công nghệ cao, khu công nghệ cao cũng như dự án đầu tư vào khu công nghệ cao được quy định tại nhiều văn bản pháp luật chuyên ngành khác nhau gây khó khăn cho nhà đầu tư trong quá trình tìm hiểu và quyết định đầu tư vào khu công nghệ cao.

- Ở tầm vĩ mô, vai trò quản lý nhà nước về khoa học và công nghệ của Bộ Khoa học và Công nghệ đối với các khu công nghệ cao được quy định mờ nhạt.

- Thiếu quy định cụ thể về điều kiện, trình tự và thủ tục thành lập, mở rộng khu công nghệ cao gây khó khăn cho địa phương trong việc đề xuất cũng như cơ quan quản lý nhà nước trong việc xử lý hồ sơ.

Gần đây, để giải quyết các vướng mắc trong quá trình triển khai xây dựng và vận hành các khu công nghệ cao trong cả nước, căn cứ những vấn đề có tính chất đặc thù đối với từng khu công nghệ cao khác nhau, Bộ Khoa học và Công nghệ đã xây dựng, trình Chính phủ ban hành các cơ chế chính sách riêng đối với Khu Công nghệ cao Hòa Lạc (Nghị định số 74/2017/NĐ-CP ngày 20/86/2017 của Chính phủ quy định cơ chế, chính sách đặc thù đối với Khu Công nghệ cao Hòa Lạc) và Khu Công nghệ cao Đà Nẵng (Nghị định số 04/2018/NĐ-CP ngày 04/01/2019 quy định về cơ chế, chính sách ưu đãi đối với Khu công nghệ cao Đà Nẵng). Tuy nhiên, việc xây dựng các Nghị định đặc thù chỉ được xem là giải pháp tình thế nhằm giải quyết một số vấn đề riêng đối với một khu công nghệ cao cụ thể, không giải quyết được những hạn chế, vướng mắc trong trong công tác xây dựng, vận hành các khu công nghệ cao trong cả nước nói chung.

Như vậy, qua một thời gian dài thực hiện Nghị định số 99/2003/NĐ-CP, đặc biệt là sau khi Luật Công nghệ cao ra đời, đã nảy sinh rất nhiều vấn đề bất cập từ thực tiễn triển khai cũng như phát sinh những đòi hỏi mới từ chính thực tiễn:

- Hoạt động của khu công nghệ cao (trong đó có bao gồm việc quản trị) cần phải theo kịp cuộc Cách mạng công nghiệp lần thứ tư đã ảnh hưởng toàn bộ nền kinh tế quốc gia; khucông nghệ cao phải có networking hội tụ nhân tài, tập trung thúc đẩy đổi mới sáng tạo và chuyển giao công nghệ, sản xuất… nhằm lan tỏa, thúc đẩy phát triển tiềm lực khoa học và công nghệ của Việt Nam, góp một phần quan trọng trong việc thúc đẩy phát triển kinh tế - xã hội đất nước.

- Phải tạo được sự liên kết, hợp tác quốc tế và hình thành chuỗi giá trị gia tăng từ nghiên cứu - triển khai (R&D), thương mại hóa sản phẩm công nghệ mới, công nghiệp hỗ trợ công nghệ cao đến sản xuất sản phẩm công nghệ cao.

- Phải thu hút đầu tư, chuyển giao công nghệ có hiệu quả từ các tập đoàn hàng đầu thế giới về công nghệ cao, công nghệ thân thiện với môi trường.

Luật Công nghệ cao ra đời (năm 2008) và đi vào cuộc sống đã có đóng góp rất lớn đối với sự phát triển của các khu công nghệ cao, tuy nhiên, luật mới có các điều chỉnh chung về lĩnh vực công nghệ cao ở phạm vi quốc gia, còn thiếu các quy định cụ thể đối với các khu công nghệ cao trong khi các quy định tại Nghị định số 99/2003/NĐ-CP đã dần không còn phù hợp và không theo kịp thực tiễn.

Với những luận cứ nêu trên, việc xem xét xây dựng và ban hành một nghị định quy định tổng hợp về khu công nghệ cao nhằm tạo điều kiện thuận lợi cho việc đẩy nhanh hoàn thiện hạ tầng kỹ thuật, thu hút đầu tư, vận hành có hiệu quả các khu công nghệ cao trong cả nước, bám sát yêu cầu thực tiễn trong bối cảnh nước ta đang tích cực, chủ động tham gia vào cuộc Cách mạng công nghiệp lần thứ tư, đặc biệt sau khi Bộ Chính trị đã ban hành Nghị quyết số 52-NQ/TW ngày 27/9/2019 về một số chủ trương, chính sách chủ động tham giacuộc Cách mạng công nghiệp lần thứ tư, là rất cấp thiết.

Do Luật Công nghệ cao không quy định cụ thể trách nhiệm của Bộ Khoa học và Công nghệ trong việc xây dựng, trình cấp có thẩm quyền xem xét, ban hành quy định về khu công nghệ cao, tại Tờ trình này, căn cứ tính cấp thiết đã được làm rõ ở trên, Bộ Khoa học và Công nghệ kính đề nghị Chính phủ xem xét, chấp thuận đề nghị xây dựng nghị định quy định về khu công nghệ cao và giao Bộ Khoa học và Công nghệ chủ trì, phối hợp các bộ và cơ quan liên quan triển khai xây dựng dự thảo nghị định, trình Chính phủ trong năm 2020 theo đúng quy định tại Luật ban hành văn bản quy phạm pháp luật.

## **II. MỤC ĐÍCH, QUAN ĐIỂM XÂY DỰNG VĂN BẢN**

**1. Mục đích**

Nghị định quy định về khu công nghệ cao được định hướng nhằm:

- Xác định rõ tiêu chí, trình tự, thủ tục thành lập, mở rộng khu công nghệ cao làm cơ sở để phát triển các khu công nghệ cao mới cũng như các khu công nghệ cao đã được thành lập.

- Điều chỉnh hoạt động của khu công nghệ cao phù hợp với xu thế, tình hình thế giới hiện nay, đặc biệt cần phải theo kịp cuộc Cách mạng công nghiệp lần thứ tư đã ảnh hưởng, tác động sâu rộng đến toàn bộ nền kinh tế quốc gia.

- Đưa các khu công nghệ cao hướng đến mô hình hoạt động mở, tiến tới mô hình thông minh, xanh, sạch và bền vững.

- Định hướng lựa chọn lĩnh vực thu hút đầu tư phù hợp; có cơ chế, chính sách khuyến khích, tập trung thu hút đầu tư, chuyển giao công nghệ từ các tập đoàn hàng đầu thế giới về công nghệ cao, thân thiện với môi trường.

- Tăng cường tối đa thẩm quyền Ban Quản lý khu công nghệ cao, nâng cao hiệu quả trong công tác quản lý khu công nghệ cao.

- Góp phần tạo nền tảng liên kết, hợp tác quốc tế và hình thành chuỗi giá trị gia tăng từ R&D, thương mại hóa sản phẩm công nghệ mới, công nghiệp hỗ trợ công nghệ cao đến sản xuất sản phẩm công nghệ cao.

**2. Quan điểm xây dựng văn bản**

a) Bảo đảm phù hợp với Hiến pháp nước Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam và các quy định của pháp luật có liên quan;

b) Bảo đảm tính thống nhất trong hệ thống văn bản quy phạm pháp luật về công nghệ cao, khu công nghệ cao;

c) Phù hợp với định hướng Đảng, của Chính phủ về thúc đẩy phát triển các lĩnh vực công nghệ cao được ưu tiên nói chung và hoàn thiện kết cấu hạ tầng kỹ thuật công nghệ cao nói riêng; tình hình phát triển kinh tế - xã hội của Việt Nam; xu thế phát triển chung của thế giới, bảo đảm quốc phòng, an ninh;

d) Phù hợp với hiện trạng và định hướng phát triển khu công nghệ cao;

e) Các quy định có tính khả thi cao và ổn định; đáp ứng yêu cầu hội nhập của Việt Nam với các nước trong khu vực và trên thế giới.

## **III. PHẠM VI ĐIỀU CHỈNH, ĐỐI TƯỢNG ÁP DỤNG CỦA VĂN BẢN**

**1. Phạm vi điều chỉnh**

Nghị định này quy định về thành lập, mở rộng, hoạt động, chính sách ưu đãi, hỗ trợ và quản lý nhà nước đối với khu công nghệ cao.

**2. Đối tượng áp dụng**

Cơ quan quản lý nhà nước; tổ chức, doanh nghiệp trong nước và nước ngoài, cá nhân là người Việt Nam, người Việt Nam định cư ở nước ngoài và người nước ngoài hoạt động tại khu công nghệ cao.

## **IV. MỤC TIÊU, NỘI DUNG CỦA CHÍNH SÁCH, GIẢI PHÁP THỰC HIỆN CHÍNH SÁCH TRONG ĐỀ NGHỊ XÂY DỰNG VĂN BẢN**

**1. Chính sách 1: Về thành lập, mở rộng khu công nghệ cao**

- Mục tiêu của chính sách: Làm căn cứ để các địa phương có đủ điều kiện xây dựng hồ sơ đề án thành lập, mở rộng khu công nghệ cao gửi cơ quan có thẩm quyền tổ chức thẩm định, trình cấp có thẩm quyền xem xét, quyết định thành lập, quyết định mở rộng khu công nghệ cao đáp ứng yêu cầu phát triển của đất nước và hội nhập quốc tế.

- Nội dung của chính sách: Xác định rõ điều kiện thành lập, mở rộng khu công nghệ cao; nội dung Hồ sơ đề nghị thành lập, mở rộng khu công nghệ cao; quy trình thẩm định thành lập, mở rộng khu công nghệ cao; thẩm quyền quyết định thành lập, mở rộng khu công nghệ cao.

- Giải pháp để thực hiện chính sách đã được lựa chọn và lý do lựa chọn:

+ Giải pháp để thực hiện chính sách: Ủy ban nhân dân cấp tỉnh sẽ xây dựng hồ sơ đề nghị theo hướng dẫn gửi Bộ Khoa học và Công nghệ, Bộ Khoa học và Công nghệ chủ trì, phối hợp các bộ, ngành và cơ quan liên quan thẩm định hồ sơ, căn cứ kết quả thẩm định trình Thủ tướng Chính phủ xem xét, quyết định.

+ Lý do lựa chọn:Quy định tại chính sách này sẽ xác định rõ vai trò của các cơ quan/tổ chức/cá nhân có liên quan như: Ủy ban nhân dân cấp tỉnh, Bộ Khoa học và Công nghệ và các bộ ngành liên quan, Thủ tướng Chính phủ cũng như quy định cụ thể về hồ sơ, trình tư, thủ tục trong việc thành lập, mở rộng khu công nghệ cao, tạo thuận lợi cho cơ quan đề xuất cũng như cơ quan chủ trì xử lý hồ sơ.

**2. Chính sách 2: Về đầu tư, xây dựng và phát triển khu công nghệ cao**

- Mục tiêu của chính sách: Tạo điều kiện để đẩy nhanh công tác xây dựng, hoàn thiện hạ tầng kỹ thuật, hạ tầng khoa học và công nghệ và hạ tầng xã hội khu công nghệ cao, góp phần đẩy nhanh thu hút đầu tư và hoạt động hiệu quảcủa khu công nghệ cao.

- Nội dung của chính sách: Quy định những nội dung chính liên quan đến: quy hoạch xây dựng và phát triển khu công nghệ cao; giải phóng mặt bằng khu công nghệ cao và tái định cư dân sống trong phạm vi khu công nghệ cao; đầu tư xây dựng hạ tầng kỹ thuật và hạ tầng xã hội, đặc biệt là về nguồn vốn triển khai; đầu tư xây dựng hạ tầng công nghệ cao, hạ tầng khoa học và công nghệ; phát triển thị trường khoa học và công nghệ; và hợp tác quốc tế trong việc xây dựng và phát triển khu công nghệ cao.

- Giải pháp để thực hiện chính sách đã được lựa chọn và lý do lựa chọn:

+ Giải pháp để thực hiện chính sách: Xác định các nội dung liên quan đến thẩm quyền, nguồn vốn để nâng cao tính khả thi trong quy hoạch xây dựng, giải phóng mặt bằng, tái định cư, xây dựng hạ tầng kỹ thuật, hạ tầng xã hội, hạ tầng khoa học và công nghệ; xác định các hoạt động cụ thể nhằm phát triển thị trường khoa học và công nghệ, thúc đẩy hợp tác quốc tế trong việc xây dựng và phát triển khu công nghệ cao.

+ Lý do lựa chọn: Phương án trên sẽ góp phầngiải quyết một trong những vướng mắc chính trong việc đẩy nhanh tiến độ đầu tư xây dựng và phát triển khu công nghệ cao là quy hoạch và vốn. Việc làm rõ cơ cấu nguồn vốn sẽ giúp các khu công nghệ cao chủ động cân đối nguồn lực được giao trong việc triển khai các dự án đầu tư xây dựng hạ tầng kỹ thuật được xác định theo trình tự, mức độ cấp thiết theo quy hoạch được phê duyệt.

**3. Chính sách 3: Về các hoạt động đầu tư trong khu công nghệ cao**

- Mục tiêu của chính sách: Góp phần thu hút đầu tư có hiệu quả các loại hình hoạt động khác nhau trong khu công nghệ cao trên cơ sở làm rõ các lĩnh vực, hoạt động đầu tư, các công nghệ cao trong các lĩnh vực công nghệ ưu tiên.

- Nội dung của chính sách: Xác định các lĩnh vực đầu tư và công nghệ cao trong các lĩnh vực được ưu tiên đầu tư tại khu công nghệ cao; sản phẩm công nghệ cao được khuyến khích phát triển tại khu công nghệ cao. Quy định cụ thể đối với một số hoạt động đầu tư trong khu công nghệ cao, bao gồm: khoa học và công nghệ; đào tạo nhân lực công nghệ cao; ươm tạo công nghệ cao, ươm tạo doanh nghiệp công nghệ cao; thương mại hóa công nghệ cao, thương mại hóa sản phẩm công nghệ cao.

- Giải pháp để thực hiện chính sách đã được lựa chọn và lý do lựa chọn:

+ Giải pháp để thực hiện chính sách: Các lĩnh vực đầu tư trong khu công nghệ cao được xác định trên cơ sở khái niệm “khu công nghệ cao” cũng như mục tiêu của khu công nghệ cao quy định tại nghị định; các công nghệ cao trong các lĩnh vực công nghệ được ưu tiên thu hút đầu tư xác định theo 04 lĩnh vực công nghệ quy định tại Luật Công nghệ cao; công nghệ cao, sản phẩm công nghệ cao được ưu tiên, khuyến khích đầu tư phát triển trong khu công nghệ cao xác định theo Danh mục thuộc thẩm quyền ban hành của Thủ tướng Chính phủ. Xác định thẩm quyền ban hành danh mục các lĩnh vực cụ thể được ưu tiên, khuyến khích đầu tư vào khu công nghệ cao, ban hành văn bản hướng dẫn chi tiết quy trình, thủ tục thực hiện dự án tại khu công nghệ cao.

+ Lý do lựa chọn: Việc quy định chi tiết các lĩnh vực đầu tư, các công nghệ cao được ưu tiên thu hút đầu tư; cơ quan ban hành văn bản hướng dẫn quy trình, thủ tục thực hiện dự án tại khu công nghệ cao sẽ giúp nhà đầu tư xác định được dự án đề xuất đầu tư vào khu công nghệ cao thuộc loại hình hoạt động nào và khung tiêu chí cần đáp ứng áp dụng đối với loại hình hoạt động đó để lựa chọn phương án đầu tư phù hợp.

**4. Chính sách 4: Về doanh nghiệp khu công nghệ cao**

- Mục tiêu của chính sách: Cụ thể hóa các loại hình doanh nghiệp/dự án hoạt động trong khu công nghệ cao cũng như làm rõ khung tiêu chí đối với từng loại hình khác nhau làm căn cứ xét dự án của doanh nghiệp đầu tư vào khu công nghệ cao, doanh nghiệp thành lập mới trong khu công nghệ cao.

- Nội dung của chính sách: Xác định các loại hình doanh nghiệp/dự án hoạt động trong khu công nghệ cao; quy định khung tiêu chí đối với từng loại hình doanh nghiệp/dự án đầu tư vào/trong khu công nghệ cao.

- Giải pháp để thực hiện chính sách đã được lựa chọn và lý do lựa chọn:

+ Giải pháp để thực hiện chính sách: Xác định các loại hình doanh nghiệp/dự án hoạt động trong khu công nghệ cao căn cứ quy định tại Luật Đầu tư, Luật Doanh nghiệp và các dự thảo Luật sửa đổi Luật Đầu tư, Luật Doanh nghiệp. Tiêu chí đối với từng loại hình được xác định căn cứ các yếu tố nhằm đảm bảo đúng định hướng phát triển của khu công nghệ cao.

+ Lý do lựa chọn: Việc quy định chi tiết loại hình doanh nghiệp/dự án và khung tiêu chí sẽ giúp Ban Quản lý khu công nghệ cao có căn cứ trong việc thu hút, xét, lựa chọn các doanh nghiệp/dự án phù hợp đầu tư vào/trong khu công nghệ cao, phù hợp với định hướng phát triển của khu công nghệ cao trong từng giai đoạn cụ thể nhất định.

**5. Chính sách 5: Về các chính sách ưu đãi, hỗ trợ đầu tư tại khu công nghệ cao**

- Mục tiêu của chính sách: Giúp nhà đầu tư nhanh chóng tiếp cận đầy đủ các thông tin tổng hợp liên quan đến các chính sách ưu đãi, hỗ trợ đầu tư tại khu công nghệ cao một cách hiệu quả nhất, tránh lãng phí thời gian tìm hiểu trước khi xem xét, quyết định đề xuất dự án đầu tư vào khu công nghệ cao. Đồng thời, tạo sự bình đẳng trong việc áp dụng ưu đãi đối với các khu công nghệ cao khác nhau.

- Nội dung của chính sách:Quy định nguyên tắc xác định và áp dụng ưu đãiđối với nhà đầu tư, doanh nghiệp có dự án đầu tư vào khu công nghệ cao; quy định các ưu đãi về: thuế (thu nhập doanh nghiệp, thu nhập cá nhân…), tiền thuê đất, xuất nhập cảnh; quy định chính sách phát triển nhà ở cho người lao động làm việc tại khu công nghệ cao, chính sách hỗ trợ các dự án đầu tư kinh doanh hạ tầng kỹ thuật khu công nghệ cao; quy định về quỹ đầu tư để đầu tư vào các hoạt động ươm tạo công nghệ cao và doanh nghiệp công nghệ cao.

- Giải pháp để thực hiện chính sách đã được lựa chọn và lý do lựa chọn:

+ Giải pháp để thực hiện chính sách: Làm rõ nguyên tắc xác định và áp dụng ưu đãiđối với nhà đầu tư, doanh nghiệp có dự án đầu tư vào khu công nghệ cao. Tổng hợp hoặc dẫn chiếu các chính sách ưu đãi có liên quan được quy định tại các văn bản quy phạm pháp luật chuyên ngành (ví dụ về thuế, đất đai…). Theo đó, các chính sách ưu đãi được thực hiện theo quy định của pháp luật chuyên ngành.Các chính sách hỗ trợ sẽ được xây dựng căn cứ một số hoạt động đặc thù trong khu công nghệ cao, đảm bảo có nguồn lực thực hiện và tính khả thi.

+ Lý do lựa chọn: Việc đưa các chính sách ưu đãi, hỗ trợ vào một nhóm các quy định có liên quan đến nhau là giải pháp thích hợp giúp nhà đầu tư có thể tiếp cận tổng hợp các thông tin liên quan đến các chính sách ưu đãi, hỗ trợ đầu tư tại khu công nghệ cao một cách nhanh nhất, tránh lãng phí thời gian tìm hiểu trước khi xem xét, quyết định đề xuất dự án đầu tư vào khu công nghệ cao.

**6. Chính sách 6: Về tài chính, kế toán và ngoại hối**

- Mục tiêu của chính sách: Giúp thống nhất quản lý nhà nước liên quan đến các hoạt động tài chính, kế toán và ngoại hối trong khu công nghệ cao.

- Nội dung của chính sách: Quy định đơn vị tiền tệ sử dụng trong hạch toán, kế toán của các nhà đầu tư trong khu công nghệ cao, đồng tiền thanh toán, chế độ tài chính kế toán, năm tài chính (có xét trường hợp riêng đối với nhà đầu tư trong khu công nghệ cao có vốn đầu tư nước ngoài), việc lập và nộp báo cáo tài chính kế toán năm cho cơ quan quản lý nhà nước có thẩm quyền, quản lý ngoại hối.

- Giải pháp để thực hiện chính sách đã được lựa chọn và lý do lựa chọn:

+ Giải pháp để thực hiện chính sách: Xây dựng các quy định cụ thể về hoạt động tài chính, kế toán và ngoại hối trong khu công nghệ cao để điều chỉnh chung hoạt động này đối với cơ quan quản lý nhà nước cũng như tổ chức, doanh nghiệp hoạt động trong khu công nghệ cao.

+ Lý do lựa chọn: Việc quy định cụ thể liên quan đến hoạt động tài chính, kế toán và ngoại hối trong khu công nghệ cao sẽ góp phần làm minh bạch hoạt động đầu tư sản xuất, kinh doanh của doanh nghiệp trong khu công nghệ cao cũng như hoạt động quản lý của nhà nước đối với khu công nghệ cao.

**7. Chính sách 7: Về quản lý nhà nước đối với khu công nghệ cao**

- Mục tiêu của chính sách: Hướng tới sự thống nhất tương đối về mô hình tổ chức và hoạt động của các khu công nghệ cao; tăng cường thẩm quyền của Ban Quản lý khu công nghệ cao; tăng cường vai trò quản lý nhà nước về khoa học và công nghệ của Bộ Khoa học và Công nghệ; tiến tới minh bạch hóa và đơn giản hóa thủ tục hành chính hướng tới nâng cao hiệu quả công tác quản lý nhà nước đối với các hoạt động khu công nghệ cao, cải thiện môi trường đầu tư khu công nghệ cao.

- Nội dung của chính sách: Quy định về cơ quan chủ quản, cơ quan quản lý khu công nghệ cao, cơ cấu tổ chức Ban Quản lý khu công nghệ cao; nội dung quản lý nhà nước đối với khu công nghệ cao về các mặt: quy hoạch, xây dựng hạ tầng kỹ thuật, hoạt động xây dựng của nhà đầu tư, của các dự án đầu tư, hợp tác quốc tế và xúc tiến đầu tư, đầu tư, đất đai,môi trường, hoạt động thương mại, xuất nhập khẩu, lao động, hoạt động khoa học và công nghệ, các dịch vụ và an ninh trật tự, cư trú; trách nhiệm quản lý nhà nước đối với khu công nghệ cao; kiểm tra, thanh tra và xử lý vi phạm hành chính tại khu công nghệ cao.

- Giải pháp để thực hiện chính sách đã được lựa chọn và lý do lựa chọn:

+ Giải pháp để thực hiện chính sách: Quy định cụ thể các nội dung quản lý nhà nước đối với khu công nghệ cao trên tất cả các mặt có liên quan theo hướng xác định rõ mô hình tổ chức và hoạt động của khu công nghệ cao; tăng cường tối đa vai trò, thẩm quyền của Ban Quản lý khu công nghệ cao; tăng cường vai trò quản lý nhà nước về khoa học và công nghệ của Bộ Khoa học và Công nghệ.

+ Lý do lựa chọn: Cho phép xác định tổng thể và quy định tổng hợp các vấn đề có liên quan đến quản lý nhà nước đối với khu công nghệ cao trên tất cả các mặt; giúp tăng cường tối đa vai trò, thẩm quyền của Ban Quản lý khu công nghệ cao, hướng tới thực hiện cơ chế “một cửa” trong việc giải quyết các thủ tục hành chính liên quan đến nhà đầu tư, dự án đầu tư trong khu công nghệ cao.

## **V. DỰ KIẾN NGUỒN LỰC, ĐIỀU KIỆN BẢO ĐẢM CHO VIỆC THI HÀNH VĂN BẢN SAU KHI ĐƯỢC THÔNG QUA**

**1. Dự kiến nguồn lực**

Việc triển khai các quy định tại nghị định liên quan đến phạm vi đối tượng chịu sự điều chỉnh liên quan trực tiếp đến khu công nghệ cao. Nguồn lực về tài chính cần để triển khai các nội dung hoạt động có liên quan được bố trí trong ngân sách nhà nước và các nguồn hợp pháp khác.

**2. Điều kiện bảo đảm việc thi hành văn bản sau khi được thông qua**

- Phổ biến các chính sách trong đề nghị xây dựng Nghị định ngay sau khi Chính phủ phê duyệt hồ sơ đề nghị xây dựng Nghị định tới các đối tượng chịu sự tác động trực tiếp và cơ quan, tổ chức có liên quan để chuẩn bị sẵn sàng cho việc triển khai áp dụng Nghị định;

- Các Bộ, ngành, địa phương phối hợp chặt chẽ với Bộ Khoa học và Công nghệ trong quá trình triển khai các quy định của Nghị định;

- Bám sát việc triển khai thực tế các quy định của Nghị định; tổ chức tiếp nhận phản hồi từ các đối tượng chịu sự tác động trực tiếp và cơ quan, tổ chức có liên quan; giải đáp kịp thời các khó khăn, vướng mắc trong việc triển khai thực hiện các quy định của Nghị định;

- Thanh tra, kiểm tra, giám sát việc thi hành Nghị định.

**VI. THỜI GIAN DỰ KIẾN TRÌNH THÔNG QUA VĂN BẢN**

Trên đây là Tờ trình đề nghị xây dựng quy định về khu công nghệ cao nhằm thay thế Nghị định số 99/2003/NĐ-CP về ban hành Quy chế khu công nghệ cao. Bộ Khoa học và Công nghệ kính trình Chính phủ xem xét hồ sơ đề nghị xây dựng nghị định. Nếu được chấp thuận, Bộ Khoa học và Công nghệ sẽ phối hợp với các cơ quan liên quan soạn thảo nghị định và trình Chính phủ xem xét, ban hành vào Quý IV năm 2020./.

*(Xin gửi kèm theo: (1) Báo cáo đánh giá tác động của từng chính sách trong đề nghị xây dựng nghị định; (2) Báo cáo đánh giá thực trạng các vấn đề liên quan đến chính sách; (3) Đề cương dự thảo Nghị định)*

|  |  |  |
| --- | --- | --- |
| ***Nơi nhận:***  - Như trên;  - Phó Thủ tướng Vũ Đức Đam (để b/c);  - Văn phòng Chính phủ;  - Bộ trưởng và các Thứ trưởng;  - Lưu: VT, CNC. |  | **BỘ TRƯỞNG**  **Chu Ngọc Anh** |